

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST

Ngày 25-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung và ông Đào Duy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông K'Tim – CB của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Ka T, sinh năm 1983 tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà A, đường L, thôn Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: không có nghề nghiệp ổn định; Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Châu Mạ; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông K'B và bà Ka N; Chồng K'Br và 06 người con; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 31-7-2020, hành vi vi phạm đánh bạc, mức phạt tiền 1.500.000 đồng (*chưa chấp hành*); Tiền án: Tại bản án số 142/2013/HSST ngày 25-12-2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án số 30/2019/HSST ngày 29-3-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại bản án số 142/2013/HSST ngày 25-12-2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-5-2013 đến ngày 04-7-2013 vào thời gian chấp hành hình phạt tù, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Mơ Thiên – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số nhà A, Thôn C, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956. Trú tại: Số nhà B, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02 tháng 9 năm 2021, Ka T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49M8 – 7743 chở theo con gái ruột tên Ka H, sinh ngày 21-6-2019, trên đường đi hướng Hòa Bắc – Hòa Trung và có ghé vào quán tạp hóa của gia đình ông Nguyễn Văn N ở Thôn C, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, Ka T xuống xe đi vào quán mua đồ dùng cá nhân. Khi đi vào trong quán Ka T phát hiện trong tủ có một hộp nhựa trong suốt, nắp màu đỏ, bên trong hộp có đựng tiền và thẻ cào điện thoại nên Ka T nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng lúc ông N không để ý Ka T trộm cắp hộp nhựa trên và giấu vào trong áo. Sau khi thanh toán tiền xong, Ka T tiếp tục đi về hướng xã H theo đường liên xã. Đến trước khu vực trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong thuộc Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì Ka T lấy hộp nhựa ra đếm được 720.000 đồng tiền mặt và 63 thẻ cào điện thoại chưa sử dụng bỏ vào trong túi áo, Ka T điều khiển xe đi về hướng thành phố B. Khi đến Cổng văn hóa thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thì vứt bỏ hộp nhựa đi. Ka T đi tiếp đến Tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị H nói với bà H “Có số thẻ cào điện thoại cần bán”. Bà H nghĩ Ka T là người bỏ môi thẻ cào điện thoại nên đồng ý mua lại. Hai bên thống nhất 01 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng thì mua bán với giá 17.000 đồng/01 thẻ; 01 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng thì mua bán với giá 47.000 đồng/01 thẻ. Ka T đã bán cho bà H gồm 29 thẻ cào điện thoại loại 20.000 đồng, 34 thẻ cào điện thoại loại 50.000 đồng. Tổng cộng thành tiền là 2.178.000 đồng rồi đi về nhà. Số tiền có được từ việc trộm cắp Ka T đã tiêu xài cá nhân hết. Gia đình ông Nguyễn Văn N phát hiện hộp nhựa màu trong suốt, nắp màu đỏ bên trong đựng tiền và thẻ cào điện thoại bị kẻ gian lấy cắp nên làm đơn trình báo đến Cơ quan chức năng để điều tra xử lý theo pháp luật.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh tiến hành xác minh, khám nghiệm hiện trường; trích xuất camera, thu thập tài liệu, chứng cứ, vật chứng....

Vật chứng thu giữ gồm:

01 thẻ nhớ chưa nội dung ghi lại đoạn camera nội dung sự việc;

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC màu đen, trắng, vàng, biển kiểm soát 49M8-7743;

63 thẻ cào điện thoại di động (còn nguyên lớp tráng bạc và số series);

Đối với 01 hộp nhựa màu trong suốt, nắp nhựa màu đỏ, cao khoảng 20cm, đường kính 15cm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh đã tiến hành xác minh, truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

Tại Kết luận số 767/KL-HĐĐG ngày 29-9-2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xác định 34 thẻ cào điện thoại mệnh giá 50.000 đồng có giá 1.700.000 đồng; 29 thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng có giá 580.000 đồng. Tổng cộng 2.280.000 đồng.

Ngày 28-12-2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh ra Quyết định xử

lý vật chứng giao trả cho ông Nguyễn Văn N 29 thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng và 34 thẻ cào điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (*các thẻ cào còn nguyên lớp mạ bạc bảo vệ*).

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn N đã nhận lại đầy đủ thẻ cào điện thoại và 720.000 đồng tiền mặt. Buộc Ka T có trách nhiệm trả lại 2.178.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H, do bà H không biết Ka T bán thẻ cào điện thoại do trộm cắp mà có.

Tại bản cáo trạng số 18/Ctr-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố bị cáo Ka T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xét xử bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N đã nhận được số tiền bồi thường 720.000 đồng do bị cáo Ka T bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Buộc bị cáo Ka T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.178.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo bà Mơ Thiên trình bày lời bào chữa cho bị cáo Ka T: Nhất trí với tội danh, điều luật, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Ka T, đề nghị Hội đồng xét xử xử mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về nuôi sáu đứa con còn nhỏ, không ai chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ka T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, vì muốn có tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo Ka T đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản trị giá 2.280.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận điều tra và cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ka T

phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bản tính tham lam, muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân nhưng không chịu lao động chân chính nên đã cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định mới có đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Ka T không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nhân thân của Ka T: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 31-7-2020, hành vi vi phạm đánh bạc, mức phạt tiền 1.500.000 đồng (*chưa chấp hành*); Tiền án: Tại bản án số 142/2013/HSST ngày 25-12-2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án số 30/2019/HSST ngày 29-3-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại bản án số 142/2013/HSST ngày 25-12-2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-5-2013 đến ngày 04-7-2013 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Hiện nay chưa chấp hành 02 hình phạt của hai bản án nêu trên.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả thì thấy về trách nhiệm dân sự bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền 2.898.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 720.000 đồng cho ông N, số tiền bị cáo bồi thường chưa được $\frac{1}{2}$ so với nghĩa vụ bị cáo phải bồi thường. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo có sổ hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn, đông con, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính thì thấy vào năm 2013 bị cáo sinh được 02 con, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật pháp luật bị cáo liên tục mang thai và sinh thêm 04 con nữa nhằm hoãn việc chấp hành án và phạm tội mới, thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, nên áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ka T là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn N đã nhận lại đầy đủ thẻ cào điện thoại và 720.000 đồng tiền mặt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Buộc Ka T có trách nhiệm trả lại 2.178.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H số tiền bị cáo bán

thẻ cào điện thoại cho bà H.

[5] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Novo-RC, sơn màu đen bạc, biển kiểm soát 49M8 – 7743, giấy đăng ký mô tô, xe máy tên chủ xe là Nguyễn Văn An, địa chỉ: Tân Vượng, Lộc Châu, Bảo Lộc, Lâm Đồng, bị cáo khai là xe do một người chị nuôi của bị cáo mua xe cũ, sau đó tặng cho bị cáo sử dụng, chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật nên giao cho Công an huyện Di Linh xử lý theo thẩm quyền.

[6] Về án phí: Bị cáo Ka T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ka T đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; khoản 2 Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ka T 30 (ba mươi) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 39 (ba mươi chín) tháng tù tại Bản án số 30/2019/HSST ngày 29-3-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 69 (sáu mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-5-2013 đến ngày 04-7-2013 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ka T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.178.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tang vật: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Giao cho Công an huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử lý theo thẩm quyền đối với: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Novo-RC, sơn màu đen bạc, biển kiểm soát 49M8 – 7743, tên chủ xe Nguyễn Văn An. (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-01-2022).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Ka T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Ka T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại, người LQ (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ